

Số: 385 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 18/3/2022 đến 16h00 ngày 19/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 468,5 triệu ca, trong đó trên 6 triệu ca tử vong.

Khả năng tái mắc COVID-19 nhiều lần: báo cáo của Cơ quan An ninh y tế Vương quốc Anh (UKHSA) cho thấy kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, chỉ riêng vùng England đã ghi nhận 62 người có 4 lần xét nghiệm dương tính với virus SARS-CoV-2, mỗi lần cách nhau ít nhất 90 ngày. Trong khi đó, dữ liệu thu thập đến ngày 6/3 vừa qua cho thấy 7.640 người khác đã 3 lần mắc COVID-19. Các báo cáo theo dõi số ca mắc COVID-19 và cúm hàng tuần mới nhất của UKHSA cũng ghi nhận 715.154 ca tái nhiễm. Những người đã tái nhiễm nhiều lần có thể đã nhiễm các biến thể khác nhau của virus SARS-CoV-2. Tuy nhiên, ngay cả khi virus ngừng biến đổi ngay bây giờ, khả năng miễn dịch đối với các bệnh lây nhiễm qua đường mũi và họng cũng không tồn tại lâu dài, nên nhiều người có khả năng tái nhiễm theo chu kỳ 2 năm một lần hoặc lâu hơn.

Tại Đức, sửa đổi luật phòng chống lây nhiễm, dỡ bỏ nhiều hạn chế. Luật mới sẽ thay thế cho các quy định trước đây, vốn sẽ hết hiệu lực từ ngày 20/3. Theo luật mới này, các quy định phòng, chống COVID-19 phần lớn sẽ vận dụng các quy định ở mức cơ bản, trong đó yêu cầu đeo khẩu trang trên các phương tiện giao thông công cộng. Ngoài ra, việc đeo khẩu trang và xét nghiệm vẫn được thực hiện tại các cơ sở dành cho nhóm người dễ bị tổn thương như các nhà dưỡng lão, phòng khám, các cơ sở y tế, ngoại trừ trường học và các cửa hàng. Bên cạnh đó, Đức sẽ vẫn áp dụng một số hạn chế đối với các điểm nóng lây lan dịch bệnh theo quyết định của chính quyền mỗi bang.

Trung Quốc ghi nhận các trường hợp đầu tiên tử vong do COVID-19 trong hơn một năm qua: ngày 19/3, Ủy ban Y tế Trung Quốc (NHS) cho biết hai bệnh nhân tử vong đều ở tỉnh Cát Lâm, Đông Bắc Trung Quốc. Trong 24 giờ qua, nước này ghi nhận thêm 4.051 ca mắc mới, giảm so với mức 4.365 ca ghi nhận một ngày trước đó. Sự xuất hiện của biến thể Omicron có khả năng lây lan nhanh đang đặt ra những thách thức lớn đối với nước này. Nếu 3 tuần trước đây, Trung Quốc chỉ ghi nhận dưới 100 ca mắc mới/ngày thì con số này đã vọt lên hơn 1.000 ca mắc mới/ngày chỉ trong một tuần. Nhà chức trách Trung Quốc đã phải phong tỏa các thành phố, trong đó có trung tâm công nghệ của Thâm Quyển, nơi sinh sống của 17,5 triệu người.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 19/3/2022, cả nước ghi nhận 7.791.841 ca mắc, trong đó 7.785.747 ca trong nước. Đến nay đã có 3.991.393 người khỏi bệnh, 41.740 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 7.788.989 ca, trong đó có 7.784.177 ca trong

nước, 3.988.576 người đã khỏi bệnh (53%), 41.705 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 150.618 ca mắc mới, trong đó 150.606 ca ghi nhận trong nước (giảm 12.559 ca so với ngày hôm qua) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (21.071), Nghệ An (11.099), Phú Thọ (6.681), Hải Dương (4.938), Lạng Sơn (4.713), Tuyên Quang (4.598), Lào Cai (4.587), Đắk Lắk (4.466), Vĩnh Phúc (3.990), Hòa Bình (3.986), Sơn La (3.652), Bắc Ninh (3.612), Bắc Giang (3.495), Quảng Bình (3.280), Thái Bình (3.231), Yên Bái (3.152), Điện Biên (2.905), Hưng Yên (2.887), Cao Bằng (2.858), Quảng Ninh (2.794), Thái Nguyên (2.774), Bình Định (2.696), Cà Mau (2.606), Bến Tre (2.425), Lâm Đồng (2.391), Lai Châu (2.380), Quảng Trị (2.308), Bắc Kạn (2.029), Hà Nam (1.997), Hà Giang (1.962), Nam Định (1.927), Bình Phước (1.880), Bình Dương (1.739), Vĩnh Long (1.544), Tây Ninh (1.511), Hồ Chí Minh (1.441), Ninh Bình (1.247), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.233), Trà Vinh (1.211), Phú Yên (1.133), Đắk Nông (1.018), Thanh Hóa (1.015), Kon Tum (995), Khánh Hòa (987), Hà Tĩnh (957), Hải Phòng (846), Quảng Ngãi (820), Đà Nẵng (802), Thừa Thiên Huế (627), Bình Thuận (553), Quảng Nam (352), Bạc Liêu (292), An Giang (175), Long An (171), Kiên Giang (136), Đồng Tháp (94), Cần Thơ (78), Đồng Nai (73), Hậu Giang (71), Ninh Thuận (63), Sóc Trăng (36), Tiền Giang (16).

+ Có 12 ca nhập cảnh ghi nhận tại Tây Ninh (5), Trà Vinh (2), Hà Nội (1), Hòa Bình (1), Lạng Sơn (1), Nghệ An (1), Hồ Chí Minh (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 190.000 ca mắc tại Hà Nội, 48.861 ca mắc tại Nam Định và 35.250 ca mắc tại Bắc Ninh sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Nghệ An (+1.131), Bắc Giang (+772), Hải Dương (+531).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Ninh (-2.876), Hà Nội (-2.507), Phú Thọ (-1.361).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 99.644 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,2% tổng số mắc trong ngày), giảm 9.957 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 7.246 ca cộng đồng (giảm 266 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.151.105 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 4.617 ca thông qua sàng lọc (giảm 755 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 223.066 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 4.549 ca cộng đồng (giảm 369 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 101.993 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 3.801 ca cộng đồng (tăng 13 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 97.455 ca.

+ Tỉnh Hòa Bình: Trong ngày ghi nhận 3.436 ca cộng đồng (tăng 124 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 147.075 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Phú Thọ tăng 11.595 ca, Đắk Lắk tăng 9.453 ca; các địa phương ghi

nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Hải Phòng (giảm 10.191 ca), Bắc Ninh (giảm 5.636 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 3.988.576 người đã khỏi bệnh (53%), tăng 129.434 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.484.597 trường hợp, trong đó có 3.691 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.982 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 338; (3) Thở máy không xâm lấn: 92; (4) Thở máy xâm lấn: 275; (5) EMO: 4.

- Trong ngày 18/3, ghi nhận 57 trường hợp tử vong (giảm 19 ca so với ngày trước đó), tại: Quảng Ninh (6), Hà Nội (5), Bến Tre (4), Đồng Nai (3), Kiên Giang (3), Nghệ An (3), Phú Thọ (3), Cà Mau (2), Cao Bằng (2), Đà Nẵng (2), Gia Lai (2), Hà Nam (2), Khánh Hòa (2), Lạng Sơn (2), Quảng Trị (2), An Giang (1), Bạc Liêu (1), Bình Định (1), Bình Dương (1), Bình Thuận (1), Đắk Lắk (1), Đồng Tháp (1), Hà Giang (1), Hà Tĩnh (1), Lâm Đồng (1), Lào Cai (1), Nam Định (1), Thái Nguyên (1), TP. Hồ Chí Minh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng Hướng dẫn phòng chống dịch COVID-19 phục vụ Năm Du lịch Quốc gia - Quảng Nam 2022 theo nội dung tại Quyết định số 230/QĐ-BVHTTDL ngày 07/02/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phê duyệt Đề án tổ chức Năm Du lịch Quốc gia - Quảng Nam 2022 và phân công tại Quyết định số 559/QĐ-BVHTTDL ngày 15/3/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Năm Du lịch Quốc gia - Quảng Nam 2022.

- Xây dựng dự thảo Hướng dẫn sàng lọc, phân luồng, xét nghiệm phát hiện người nhiễm SARS-CoV2 tại bệnh viện trong tình hình mới

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 18/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 42.510.544 mẫu cho 86.402.382 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 36.777.380 mẫu tương đương 82.654.443 lượt người, tăng 171.572 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.959.144 mẫu gộp cho 49.209.207 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 19/3/2022 là 227,8 triệu liều, cụ thể:

| TT | Loại vắc xin | Nguồn Ngân sách nhà nước mua | Nguồn viện trợ, tài trợ | | | | Tổng số vắc xin đã tiếp nhận |
|----|--------------|------------------------------|-------------------------|----------------|-----------------------------|----------------------|------------------------------|
| | | | Tổng viện trợ, tài trợ | Viện trợ COVAX | Viện trợ Chính phủ các nước | Tài trợ doanh nghiệp | |
| | (1) | (2) | (3) = 4+5+6 | (4) | (5) | (6) | (7)=2+3 |
| 1 | AstraZeneca | 31.436.236 | 33.630.840 | 13.572.980 | 19.671.460 | 386.400 | 65.067.076 |
| 2 | Pfizer | 50.999.130 | 38.653.080 | 34.061.040 | 4.592.040 | 0 | 89.652.210 |
| 3 | Moderna | 0 | 14.077.160 | 14.036.360 | 40.800 | 0 | 14.077.160 |
| 4 | Sinopharm | 20.000.000 | 32.261.200 | 61.200 | 7.200.000 | 25.000.000 | 52.261.200 |
| 5 | Abdala | 5.000.000 | 150.000 | 0 | 150.000 | 0 | 5.150.000 |

| | | | | | | | |
|------------|-------------------------------------|-------------|-------------|------------|------------|------------|--------------------|
| 6 | Sputnik V | 0 | 1.508.998 | 0 | 32.000 | 1.476.998 | 1.508.998 |
| 7 | Sputnik Light | 0 | 100.000 | 0 | 100.000 | 0 | 100.000 |
| I | Tổng số vắc xin đã tiếp nhận | 107.435.366 | 120.381.278 | 61.731.580 | 31.786.300 | 26.863.398 | 227.816.644 |
| II | Tổng số vắc xin đã phân bổ | | | | | | 204.770.776 |
| III | Số vắc xin viện trợ cho Lào | | | | | | 500.000 |
| IV | Số vắc xin chưa phân bổ | | | | | | 22.545.868 |

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 227,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 204,8 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22,5 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra có một số lượng vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm mới có thể phân bổ.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 18/3/2022

Cả nước đã tiêm 201.566.460 liều (trong ngày tiêm được 160.528 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 98,4% số vắc xin phân bổ 133 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

| Đối tượng ¹ | Mũi 1 | Mũi 2 | Mũi 3* |
|------------------------|--------|-------|--------|
| Người lớn (>=18 tuổi) | 100,0% | 99,0% | 43,2% |
| Trẻ em (12-17 tuổi) | 99,0% | 94,0% | - |

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 184.503.739 liều:

+ Mũi 1: 70.939.648 liều

+ Mũi 2: 69.361.879 liều ; Mũi bổ sung: 14.633.539 liều.

+ Mũi 3: 29.568.673 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.062.721 liều:

+ Mũi 1: 8.750.488 liều

+ Mũi 2: 8.312.233 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Việt Nam hiện đang trong giai đoạn chuyển tiếp giữa giai đoạn đại dịch sang quản lý nguy cơ có tính bền vững, hướng tới từng bước bình thường hóa với dịch COVID-19. Tỷ lệ bệnh nặng, tử vong đã giảm nhiều so với giai đoạn trước nhưng số tử vong ghi nhận hàng ngày vẫn ở mức cao trên dưới 100 trường hợp mỗi ngày. Tỷ lệ mắc bệnh không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố; đặc tính vi rút SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện các biến thể; trong khi hệ thống giám sát, chăm sóc và điều trị cần phải được hoàn thiện hơn để có thể đáp ứng với các tình huống của dịch nên vẫn cần phải tập trung các biện pháp phòng chống tích cực. Bộ Y tế tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình dịch COVID-19, cập nhật sự biến đổi của vi rút SARS-CoV-2, xây dựng tiêu chí để tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định xem xét bệnh COVID-19 là “bệnh lưu hành” trong thời điểm thích hợp. Đề phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19 và xu hướng chung về nói lỏng các biện pháp phòng chống dịch của các nước.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 năm 2022-2023, trong đó tập trung chủ yếu các nội dung: bảo đảm đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 và chủ động cung ứng vắc xin; Kiểm soát sự lây lan của dịch COVID-19; Nâng cao năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là y tế dự phòng và y tế cơ sở; tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở y tế, có các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp với những người làm nhiệm vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở; tăng cường chất lượng cấp cứu và hồi sức tích cực ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương bởi dịch COVID-19; Bảo đảm thông tin, truyền thông chủ động trong định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch thống nhất toàn quốc; Chủ động chuẩn bị các biện pháp về kinh tế - xã hội, hành chính theo cấp độ nguy cơ dịch để bảo đảm vừa phòng, chống dịch vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

2. Triển khai lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; hướng dẫn các biện pháp thích ứng an toàn, triển khai đánh giá cấp độ dịch và triển khai các biện pháp đáp ứng phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19. Rà soát các quy định, hướng dẫn về cách ly trường hợp tiếp xúc gần (F1), người nhập cảnh; tổ chức cách ly, điều trị người mắc COVID-19 (F0) tại nhà; tham gia công tác, đi làm với các trường hợp F0, F1 đang trong thời gian cách ly; các biện pháp xét nghiệm COVID-19; cơ chế cung ứng thuốc kháng vi rút điều trị COVID-19; sử dụng thuốc điều trị COVID-19 tại nhà theo hướng đơn giản, thuận tiện đảm bảo khoa học và hiệu quả nhất; xây dựng phương án ứng phó không để quá tải hệ thống y tế, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động. Triển khai tiêm vắc xin thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ 12-17 tuổi trong tháng 3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

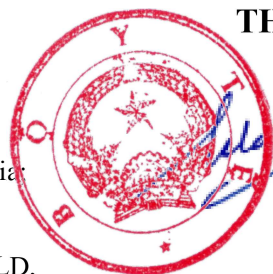
3. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; lập kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu y sinh học, phát triển công nghiệp dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc điều trị, trang thiết bị y tế. Tăng cường nguồn nhân lực; có các chính sách thỏa đáng đối với cán bộ y tế và lực lượng tuyến đầu trong phòng chống dịch.

4. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, huy động người dân, cộng đồng tham gia công tác phòng chống dịch. Chủ động truyền thông tăng cường thông tin,

tuyên truyền bảo đảm kịp thời, chính xác về tình hình và các giải pháp của các cấp có thẩm quyền, theo tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, tăng cường thông tin hướng dẫn để người dân yên tâm, ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái....

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, **VP**.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 18/3 | Số mắc ngày 19/3 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 19/3 | Số tử vong tích lũy đến 18/3 |
|---|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua: | | 163.165 | 150.606 | - 12.559 | 7.783.975 | 41.705 |
| 1 | Hà Nội | 23.578 | 21.071 | -2.507 | 1.151.105 | 1.181 |
| 2 | Hồ Chí Minh | 2.246 | 1441 | -805 | 581.285 | 20.451 |
| 3 | Bình Dương | 3.060 | 1739 | -1.321 | 358.382 | 3.420 |
| 4 | Nghệ An | 9.968 | 11.099 | 1.131 | 336.515 | 130 |
| 5 | Hải Dương | 4.407 | 4.938 | 531 | 310.501 | 101 |
| 6 | Bắc Ninh | 6.488 | 3.612 | -2.876 | 292.741 | 127 |
| 7 | Vĩnh Phúc | 3.995 | 3990 | -5 | 231.457 | 19 |
| 8 | Quảng Ninh | 2.889 | 2794 | -95 | 220.192 | 93 |
| 9 | Phú Thọ | 8.042 | 6681 | -1.361 | 223.066 | 69 |
| 10 | Bắc Giang | 2.723 | 3495 | 772 | 248.491 | 76 |
| 11 | Nam Định | 1.998 | 1927 | -71 | 218.341 | 133 |
| 12 | Hưng Yên | 3.849 | 2887 | -962 | 154.523 | 5 |
| 13 | Hòa Bình | 3.960 | 3986 | 26 | 147.075 | 97 |
| 14 | Thái Nguyên | 2.899 | 2774 | -125 | 138.260 | 93 |
| 15 | Thái Bình | 3.074 | 3231 | 157 | 137.702 | 19 |
| 16 | Thanh Hóa | 1.099 | 1015 | -84 | 123.951 | 95 |
| 17 | Cà Mau | 3.160 | 2606 | -554 | 116.255 | 318 |
| 18 | Tây Ninh | 1.843 | 1511 | -332 | 112.369 | 852 |
| 19 | Hải Phòng | 1.243 | 846 | -397 | 109.025 | 134 |
| 20 | Khánh Hòa | 1.192 | 987 | -205 | 107.627 | 327 |
| 21 | Đồng Nai | 191 | 73 | -118 | 104.865 | 1.787 |
| 22 | Lào Cai | 4.671 | 4587 | -84 | 107.573 | 30 |
| 23 | Sơn La | 4.198 | 3652 | -546 | 106.247 | |
| 24 | Bình Định | 2.965 | 2696 | -269 | 101.183 | 256 |
| 25 | Bình Phước | 1.951 | 1880 | -71 | 97.068 | 206 |
| 26 | Lạng Sơn | 5.011 | 4713 | -298 | 101.993 | 60 |
| 27 | Đắc Lắc | 4.460 | 4466 | 6 | 97.455 | 132 |
| 28 | Đà Nẵng | 956 | 802 | -154 | 85.138 | 314 |
| 29 | Tuyên Quang | 4.389 | 4598 | 209 | 90.121 | 12 |
| 30 | Ninh Bình | 1.721 | 1247 | -474 | 77.132 | 82 |
| 31 | Hà Giang | 2.068 | 1962 | -106 | 77.228 | 69 |
| 32 | Vĩnh Long | 1.781 | 1544 | -237 | 72.265 | 784 |
| 33 | Bến Tre | 2.572 | 2425 | -147 | 73.159 | 420 |
| 34 | Quảng Bình | 3.590 | 3280 | -310 | 74.231 | 62 |
| 35 | Yên Bái | 3.062 | 3152 | 90 | 69.582 | 9 |
| 36 | BRVT | 1.000 | 1233 | 233 | 58.679 | 476 |
| 37 | Lâm Đồng | 2.729 | 2391 | -338 | 59.214 | 107 |
| 38 | Điện Biên | 3.097 | 2905 | -192 | 59.768 | 14 |
| 39 | Hà Nam | 2.105 | 1997 | -108 | 54.802 | 52 |
| 40 | Cao Bằng | 2.656 | 2858 | 202 | 56.068 | 28 |
| 41 | Trà Vinh | 1603 | 1211 | -392 | 52.746 | 260 |
| 42 | Đồng Tháp | 90 | 94 | 4 | 49.102 | 978 |
| 43 | Cần Thơ | 129 | 78 | -51 | 47.795 | 921 |
| 44 | Quảng Trị | 2.285 | 2308 | 23 | 52.114 | 33 |
| 45 | Long An | 312 | 171 | -141 | 45.562 | 990 |
| 46 | Bình Thuận | 767 | 553 | -214 | 44.205 | 447 |
| 47 | Bạc Liêu | 305 | 292 | -13 | 42.467 | 416 |

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 18/3 | Số mắc ngày 19/3 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 19/3 | Số tử vong tích lũy đến 18/3 |
|---|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| 48 | Gia Lai | | | 0 | 40.216 | 78 |
| 49 | Lai Châu | 2.658 | 2380 | -278 | 45.228 | |
| 50 | Quảng Nam | 341 | 352 | 11 | 39.782 | 108 |
| 51 | An Giang | 160 | 175 | 15 | 37.572 | 1.341 |
| 52 | Kiên Giang | 156 | 136 | -20 | 36.643 | 941 |
| 53 | Phú Yên | 1.235 | 1133 | -102 | 38.556 | 109 |
| 54 | Tiền Giang | 6 | 16 | 10 | 35.839 | 1.220 |
| 55 | Đắc Nông | 986 | 1018 | 32 | 37.301 | 42 |
| 56 | Sóc Trăng | 57 | 36 | -21 | 33.391 | 594 |
| 57 | T.T.Huế | 547 | 627 | 80 | 33.881 | 171 |
| 58 | Quảng Ngãi | 899 | 820 | -79 | 31.243 | 110 |
| 59 | Hà Tĩnh | 944 | 957 | 13 | 30.804 | 24 |
| 60 | Bắc Kạn | 1.696 | 2029 | 333 | 26.800 | 12 |
| 61 | Hậu Giang | 54 | 71 | 17 | 16.912 | 213 |
| 62 | Kon Tum | 987 | 995 | 8 | 15.278 | |
| 63 | Ninh Thuận | 62 | 63 | 1 | 7.904 | 57 |
| 14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương: | | | | | | |
| Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới: | | | | | 202 | - |
| | BVND TW | | | | 96 | |
| | BV K | | | | 106 | |
| | Tổng cộng | 163.165 | 150.606 | -12.559 | 7.784.177 | 41.705 |

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 18/3/2022)

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt |
|----|-----------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 1 | Hà Nội | 17.746.562 | 6.228.087 | 5.993.773 | 0 | 233.191 | 3.982.373 | 698.383 | 674.130 | 17.809.937 | 100,4% |
| 2 | Hải Phòng | 4.410.866 | 1.696.526 | 1.619.633 | 0 | 559.479 | 344.028 | 173.514 | 174.432 | 4.567.612 | 103,6% |
| 3 | Thái Bình | 3.150.960 | 1.156.216 | 1.194.138 | 97.251 | 277.034 | 390.613 | 150.029 | 146.159 | 3.411.440 | 108,3% |
| 4 | Nam Định | 3.200.140 | 1.145.151 | 1.127.531 | 0 | 58.539 | 590.234 | 158.398 | 156.097 | 3.235.950 | 101,1% |
| 5 | Hà Nam | 1.823.260 | 582.868 | 573.490 | 0 | 274.311 | 247.625 | 71.438 | 69.241 | 1.818.973 | 99,8% |
| 6 | Ninh Bình | 1.741.280 | 675.426 | 668.271 | 0 | 235.215 | 315.978 | 82.166 | 78.443 | 2.055.499 | 118,0% |
| 7 | Thanh Hoá | 7.735.680 | 2.205.107 | 2.145.276 | 290.250 | 412.372 | 602.118 | 283.435 | 281.516 | 6.220.074 | 80,4% |
| 8 | Bắc Giang | 3.702.018 | 1.305.661 | 1.288.142 | 0 | 159.744 | 1.047.406 | 149.767 | 149.254 | 4.099.974 | 110,7% |
| 9 | Bắc Ninh | 3.119.990 | 1.136.145 | 1.092.862 | 0 | 360.422 | 432.463 | 115.527 | 108.163 | 3.245.582 | 104,0% |
| 10 | Phú Thọ | 2.463.940 | 1.002.788 | 999.989 | 0 | 287.284 | 407.155 | 124.912 | 123.397 | 2.945.525 | 119,5% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 2.292.030 | 793.369 | 772.746 | 0 | 242.751 | 395.219 | 114.275 | 112.331 | 2.430.691 | 106,0% |
| 12 | Hải Dương | 3.317.176 | 1.332.859 | 1.280.097 | 5.429 | 96.519 | 493.021 | 157.247 | 153.881 | 3.519.053 | 106,1% |
| 13 | Hưng Yên | 2.457.762 | 822.811 | 798.818 | 0 | 306.806 | 349.504 | 110.591 | 110.075 | 2.498.605 | 101,7% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt |
|----|-------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 14 | Thái Nguyên | 2.407.650 | 920.083 | 888.549 | 12.792 | 205.803 | 240.205 | 108.213 | 106.691 | 2.482.336 | 103,1% |
| 15 | Bắc Cạn | 600.140 | 219.306 | 217.303 | 0 | 13.685 | 71.932 | 25.221 | 23.665 | 571.112 | 95,2% |
| 16 | Quảng Ninh | 3.281.368 | 1.007.655 | 972.389 | 0 | 21.625 | 833.415 | 119.421 | 110.336 | 3.064.841 | 93,4% |
| 17 | Hoà Bình | 1.655.130 | 552.604 | 519.945 | 0 | 234.760 | 166.598 | 75.444 | 71.462 | 1.620.813 | 97,9% |
| 18 | Nghệ An | 5.567.680 | 2.005.436 | 1.998.146 | 499.033 | 570.777 | 618.628 | 281.138 | 267.952 | 6.241.110 | 112,1% |
| 19 | Hà Tĩnh | 2.270.650 | 801.478 | 735.249 | 0 | 230.717 | 128.139 | 113.667 | 111.801 | 2.121.051 | 93,4% |
| 20 | Lai Châu | 782.870 | 256.165 | 245.989 | 0 | 107.586 | 95.988 | 53.522 | 48.018 | 807.268 | 103,1% |
| 21 | Lạng Sơn | 1.741.530 | 510.023 | 499.753 | 0 | 0 | 422.996 | 66.528 | 62.859 | 1.562.159 | 89,7% |
| 22 | Tuyên Quang | 1.425.200 | 492.758 | 489.284 | 0 | 40.926 | 275.505 | 70.237 | 67.026 | 1.435.736 | 100,7% |
| 23 | Hà Giang | 1.732.720 | 487.876 | 472.857 | 487 | 167.183 | 218.218 | 88.638 | 84.687 | 1.519.946 | 87,7% |
| 24 | Cao Bằng | 995.520 | 350.685 | 332.450 | 0 | 73.065 | 122.648 | 45.548 | 41.433 | 965.829 | 97,0% |
| 25 | Yên Bái | 1.637.480 | 517.237 | 507.473 | 0 | 264.385 | 209.661 | 78.940 | 75.560 | 1.653.256 | 101,0% |
| 26 | Lào Cai | 1.539.820 | 466.392 | 454.451 | 0 | 255.901 | 128.664 | 80.532 | 74.374 | 1.460.314 | 94,8% |
| 27 | Sơn La | 1.839.820 | 738.612 | 698.257 | 2.334 | 0 | 249.201 | 140.915 | 131.383 | 1.960.702 | 106,6% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt |
|----------------------|----------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 28 | Điện Biên | 1.145.460 | 335.759 | 318.704 | 0 | 228.303 | 83.847 | 72.701 | 58.834 | 1.098.148 | 95,9% |
| Cộng miền Bắc | | 85.784.702 | 29.745.083 | 28.905.565 | 907.576 | 5.918.383 | 13.463.382 | 3.810.347 | 3.673.200 | 86.423.536 | 100,7% |
| 29 | Quảng Bình | 1.558.630 | 536.688 | 519.015 | 0 | 161.351 | 137.984 | 79.703 | 68.600 | 1.503.341 | 96,5% |
| 30 | Quảng Trị | 1.306.372 | 432.804 | 416.112 | 10.581 | 65.480 | 208.354 | 64.843 | 60.265 | 1.258.439 | 96,3% |
| 31 | TT- Huế | 2.428.386 | 786.997 | 766.182 | 0 | 270.709 | 292.893 | 102.409 | 98.227 | 2.317.417 | 95,4% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 2.495.632 | 865.731 | 858.794 | 0 | 83.621 | 765.633 | 102.113 | 99.745 | 2.775.637 | 111,2% |
| 33 | Quảng Nam | 3.189.860 | 1.044.837 | 1.035.091 | 32.127 | 393.161 | 273.542 | 132.605 | 130.337 | 3.041.700 | 95,4% |
| 34 | Quảng Ngãi | 2.755.364 | 852.611 | 806.867 | 0 | 110.338 | 385.623 | 113.371 | 112.494 | 2.381.304 | 86,4% |
| 35 | Bình Định | 2.974.270 | 1.049.346 | 1.015.511 | 53.800 | 351.767 | 287.511 | 140.863 | 137.763 | 3.036.561 | 102,1% |
| 36 | Phú Yên | 1.732.454 | 625.950 | 597.702 | 502 | 77.696 | 250.736 | 85.522 | 80.618 | 1.718.726 | 99,2% |
| 37 | Khánh Hòa | 2.755.850 | 979.700 | 952.919 | 0 | 395.584 | 353.763 | 122.089 | 115.526 | 2.919.581 | 105,9% |
| 38 | Ninh Thuận | 1.233.610 | 431.927 | 402.119 | 0 | 147.301 | 161.233 | 61.554 | 58.572 | 1.262.706 | 102,4% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt |
|----------------------------|---------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 39 | Bình Thuận | 2.720.780 | 914.854 | 886.325 | 7.207 | 268.024 | 158.368 | 131.700 | 125.815 | 2.492.293 | 91,6% |
| Cộng miền Trung | | 25.151.208 | 8.521.445 | 8.256.637 | 104.217 | 2.325.032 | 3.275.640 | 1.136.772 | 1.087.962 | 24.707.705 | 98,2% |
| 40 | Kon Tum | 1.020.100 | 321.123 | 320.812 | 10.696 | 92.968 | 100.471 | 58.967 | 55.533 | 960.570 | 94,2% |
| 41 | Gia Lai | 2.734.912 | 996.091 | 916.937 | 78.914 | 216.022 | 204.497 | 167.610 | 145.125 | 2.725.196 | 99,6% |
| 42 | Đắk Lắk | 3.400.550 | 1.259.338 | 1.199.934 | 0 | 514.351 | 241.055 | 178.061 | 164.158 | 3.556.897 | 104,6% |
| 43 | Đắk Nông | 1.287.080 | 403.172 | 399.120 | 0 | 207.082 | 125.479 | 68.070 | 65.742 | 1.268.665 | 98,6% |
| Cộng Tây Nguyên | | 8.442.642 | 2.979.724 | 2.836.803 | 89.610 | 1.030.423 | 671.502 | 472.708 | 430.558 | 8.511.328 | 100,8% |
| 44 | TP. HCM | 20.329.820 | 7.394.384 | 6.676.554 | 0 | 678.886 | 4.206.408 | 728.487 | 683.636 | 20.368.355 | 100,2% |
| 45 | BR-VT | 2.756.640 | 971.107 | 909.657 | 0 | 9.719 | 629.672 | 110.539 | 109.284 | 2.739.978 | 99,4% |
| 46 | Đồng Nai | 6.663.800 | 2.721.390 | 2.355.771 | 0 | 168.899 | 558.543 | 284.677 | 274.559 | 6.363.839 | 95,5% |
| 47 | Tiền Giang | 3.802.590 | 1.325.031 | 1.276.441 | 130.124 | 105.160 | 720.020 | 156.832 | 158.013 | 3.871.621 | 101,8% |
| 48 | Long An | 4.333.358 | 1.501.097 | 1.463.561 | 0 | 22.187 | 1.126.542 | 171.738 | 157.164 | 4.442.289 | 102,5% |
| 49 | Lâm Đồng | 2.983.224 | 982.661 | 965.941 | 0 | 525.380 | 235.954 | 138.865 | 120.218 | 2.969.019 | 99,5% |
| 50 | Tây Ninh | 2.581.560 | 948.781 | 890.968 | 0 | 32.471 | 501.646 | 109.066 | 100.641 | 2.583.573 | 100,1% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt |
|------------------|---------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 51 | Cần Thơ | 2.766.418 | 944.287 | 942.923 | 5.972 | 342.316 | 275.396 | 109.904 | 102.355 | 2.723.153 | 98,4% |
| 52 | Sóc Trăng | 2.581.060 | 899.036 | 865.520 | 0 | 662.920 | 48.563 | 116.852 | 111.026 | 2.703.917 | 104,8% |
| 53 | An Giang | 4.084.292 | 1.363.929 | 1.345.445 | 191.315 | 439.721 | 280.838 | 204.041 | 188.953 | 4.014.242 | 98,3% |
| 54 | Bến Tre | 2.997.032 | 1.023.467 | 1.006.885 | 0 | 467.157 | 239.894 | 106.936 | 104.550 | 2.948.889 | 98,4% |
| 55 | Trà Vinh | 2.098.550 | 698.874 | 685.171 | 0 | 14.376 | 493.521 | 98.456 | 90.955 | 2.081.353 | 99,2% |
| 56 | Vĩnh Long | 2.337.120 | 778.665 | 764.455 | 0 | 290.495 | 330.923 | 92.820 | 87.976 | 2.345.334 | 100,4% |
| 57 | Đồng Tháp | 3.649.810 | 1.160.481 | 1.200.662 | 148 | 373.642 | 304.556 | 157.885 | 149.140 | 3.346.514 | 91,7% |
| 58 | Bình Dương | 6.322.150 | 2.434.353 | 2.181.359 | 0 | 144.129 | 830.697 | 191.325 | 152.826 | 5.934.689 | 93,9% |
| 59 | Bình Phước | 2.252.180 | 752.685 | 721.089 | 0 | 214.690 | 160.961 | 109.584 | 100.949 | 2.059.958 | 91,5% |
| 60 | Kiên Giang | 3.790.150 | 1.238.102 | 1.173.734 | 67.200 | 0 | 380.384 | 167.191 | 158.557 | 3.185.168 | 84,0% |
| 61 | Cà Mau | 2.457.310 | 819.787 | 809.044 | 0 | 436.097 | 125.606 | 112.601 | 111.924 | 2.415.059 | 98,3% |
| 62 | Bạc Liêu | 1.609.230 | 568.466 | 560.185 | 0 | 179.797 | 205.279 | 88.820 | 86.174 | 1.688.721 | 104,9% |
| 63 | Hậu Giang | 1.529.630 | 532.285 | 514.076 | 0 | 251.659 | 120.204 | 74.042 | 71.613 | 1.563.879 | 102,2% |
| Cộng miền | | 81.925.924 | 29.058.868 | 27.309.441 | 394.759 | 5.359.701 | 11.775.607 | 3.330.661 | 3.120.513 | 80.349.550 | 98,1% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt |
|----|------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| | Nam | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- 767.200 liều vắc xin AsstraZeneca đợt 133 có Quyết định phân bổ ngày 15/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 66.050 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.438.082 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 344.079 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 18/3/2022)

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----|-------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Hà Nội | 5.449.464 | 676.050 | 100,0% | 100,0% | 73,1% | 100,0% | 99,7% |
| 2 | Hải Phòng | 1.442.515 | 168.000 | 100,0% | 100,0% | 23,8% | 100,0% | 100,0% |
| 3 | Thái Bình | 1.245.000 | 150.000 | 92,9% | 95,9% | 31,4% | 100,0% | 97,4% |
| 4 | Nam Định | 1.159.000 | 159.266 | 98,8% | 97,3% | 50,9% | 99,5% | 98,0% |
| 5 | Hà Nam | 612.219 | 72.258 | 95,2% | 93,7% | 40,4% | 98,9% | 95,8% |
| 6 | Ninh Bình | 665.715 | 81.762 | 100,0% | 100,0% | 47,5% | 100,0% | 95,9% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.204.426 | 285.497 | 100,0% | 97,3% | 27,3% | 99,3% | 98,6% |
| 8 | Bắc Giang | 1.280.197 | 150.059 | 100,0% | 100,0% | 81,8% | 99,8% | 99,5% |
| 9 | Bắc Ninh | 1.146.710 | 116.710 | 99,1% | 95,3% | 37,7% | 99,0% | 92,7% |
| 10 | Phú Thọ | 1.010.520 | 128.757 | 99,2% | 99,0% | 40,3% | 97,0% | 95,8% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 789.896 | 115.958 | 100,0% | 97,8% | 50,0% | 98,5% | 96,9% |
| 12 | Hải Dương | 1.344.063 | 157.641 | 99,2% | 95,2% | 36,7% | 99,8% | 97,6% |
| 13 | Hưng Yên | 826.028 | 112.803 | 99,6% | 96,7% | 42,3% | 98,0% | 97,6% |
| 14 | Thái Nguyên | 918.061 | 107.936 | 100,0% | 96,8% | 26,2% | 100,0% | 98,8% |
| 15 | Bắc Cạn | 220.169 | 25.202 | 99,6% | 98,7% | 32,7% | 100,0% | 93,9% |
| 16 | Quảng Ninh | 1.020.234 | 121.623 | 98,8% | 95,3% | 81,7% | 98,2% | 90,7% |
| 17 | Hoà Bình | 570.146 | 73.734 | 96,9% | 91,2% | 29,2% | 100,0% | 96,9% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|-------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 18 | Nghệ An | 1.960.688 | 274.429 | 100,0% | 100,0% | 31,6% | 100,0% | 97,6% |
| 19 | Hà Tĩnh | 795.436 | 115.398 | 100,0% | 92,4% | 16,1% | 98,5% | 96,9% |
| 20 | Lai Châu | 261.410 | 52.540 | 98,0% | 94,1% | 36,7% | 100,0% | 91,4% |
| 21 | Lạng Sơn | 506.403 | 65.750 | 100,0% | 98,7% | 83,5% | 100,0% | 95,6% |
| 22 | Tuyên Quang | 488.140 | 72.401 | 100,0% | 100,0% | 56,4% | 97,0% | 92,6% |
| 23 | Hà Giang | 490.008 | 89.928 | 99,6% | 96,5% | 44,5% | 98,6% | 94,2% |
| 24 | Cao Bằng | 368.973 | 44.257 | 95,0% | 90,1% | 33,2% | 100,0% | 93,6% |
| 25 | Yên Bái | 510.271 | 79.169 | 100,0% | 99,5% | 41,1% | 99,7% | 95,4% |
| 26 | Lào Cai | 445.152 | 79.914 | 100,0% | 100,0% | 28,9% | 100,0% | 93,1% |
| 27 | Sơn La | 737.237 | 141.675 | 100,2% | 94,7% | 33,8% | 99,5% | 92,7% |
| 28 | Điện Biên | 339.186 | 67.539 | 99,0% | 94,0% | 24,7% | 100,0% | 87,1% |
| Cộng miền Bắc | | 28.807.267 | 3.786.256 | 100,0% | 100,0% | 46,7% | 100,0% | 97,0% |
| 29 | Quảng Bình | 541.719 | 79.538 | 99,1% | 95,8% | 25,5% | 100,0% | 86,2% |
| 30 | Quảng Trị | 453.602 | 65.509 | 95,4% | 91,7% | 45,9% | 99,0% | 92,0% |
| 31 | TT- Huế | 779.911 | 103.142 | 100,0% | 98,2% | 37,6% | 99,3% | 95,2% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 885.070 | 102.225 | 97,8% | 97,0% | 86,5% | 99,9% | 97,6% |
| 33 | Quảng Nam | 1.086.469 | 140.387 | 96,2% | 95,3% | 25,2% | 94,5% | 92,8% |
| 34 | Quảng Ngãi | 852.717 | 114.877 | 100,0% | 94,6% | 45,2% | 98,7% | 97,9% |
| 35 | Bình Định | 1.115.072 | 146.514 | 94,1% | 91,1% | 25,8% | 96,1% | 94,0% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|------------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 36 | Phú Yên | 649.673 | 85.684 | 96,3% | 92,0% | 38,6% | 99,8% | 94,1% |
| 37 | Khánh Hòa | 952.940 | 128.449 | 100,0% | 100,0% | 37,1% | 95,0% | 90,0% |
| 38 | Ninh Thuận | 409.689 | 57.230 | 100,0% | 98,2% | 39,4% | 100,0% | 102,3% |
| 39 | Bình Thuận | 902.470 | 128.964 | 100,0% | 98,2% | 17,5% | 100,0% | 97,6% |
| Cộng miền Trung | | 8.629.332 | 1.152.519 | 98,7% | 95,7% | 38,0% | 98,6% | 94,4% |
| 40 | Kon Tum | 338.741 | 60.751 | 94,8% | 94,7% | 29,7% | 97,1% | 91,4% |
| 41 | Gia Lai | 950.154 | 166.462 | 100,0% | 96,5% | 21,5% | 100,0% | 87,2% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.266.098 | 185.763 | 99,5% | 94,8% | 19,0% | 95,9% | 88,4% |
| 43 | Đắk Nông | 404.872 | 68.824 | 99,6% | 98,6% | 31,0% | 98,9% | 95,5% |
| Cộng Tây Nguyên | | 2.959.865 | 481.800 | 100,0% | 95,8% | 22,7% | 98,1% | 89,4% |
| 44 | TP. HCM | 6.826.573 | 831.740 | 100,0% | 97,8% | 61,6% | 87,6% | 82,2% |
| 45 | BR-VT | 956.596 | 112.724 | 100,0% | 95,1% | 65,8% | 98,1% | 96,9% |
| 46 | Đồng Nai | 2.489.971 | 292.031 | 100,0% | 94,6% | 22,4% | 100,0% | 94,0% |
| 47 | Tiền Giang | 1.300.609 | 158.524 | 100,0% | 98,1% | 55,4% | 98,9% | 99,7% |
| 48 | Long An | 1.452.231 | 167.662 | 100,0% | 100,0% | 77,6% | 100,0% | 93,7% |
| 49 | Lâm Đồng | 972.137 | 131.801 | 100,0% | 99,4% | 24,3% | 100,0% | 91,2% |
| 50 | Tây Ninh | 954.662 | 103.358 | 99,4% | 93,3% | 52,5% | 100,0% | 97,4% |
| 51 | Cần Thơ | 947.860 | 112.746 | 99,6% | 99,5% | 29,1% | 97,5% | 90,8% |
| 52 | Sóc Trăng | 866.520 | 111.555 | 100,0% | 99,9% | 5,6% | 100,0% | 99,5% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 53 | An Giang | 1.371.622 | 198.826 | 99,4% | 98,1% | 20,5% | 100,0% | 95,0% |
| 54 | Bến Tre | 1.038.922 | 104.446 | 98,5% | 96,9% | 23,1% | 100,0% | 100,1% |
| 55 | Trà Vinh | 698.227 | 96.275 | 100,0% | 98,1% | 70,7% | 100,0% | 94,5% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.026 | 91.692 | 100,0% | 99,4% | 43,0% | 100,0% | 95,9% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.245.157 | 159.973 | 93,2% | 96,4% | 24,5% | 98,7% | 93,2% |
| 58 | Bình Dương | 2.361.053 | 194.210 | 100,0% | 92,4% | 35,2% | 98,5% | 78,7% |
| 59 | Bình Phước | 758.594 | 107.044 | 99,2% | 95,1% | 21,2% | 100,0% | 94,3% |
| 60 | Kiên Giang | 1.190.277 | 172.958 | 100,0% | 98,6% | 32,0% | 96,7% | 91,7% |
| 61 | Cà Mau | 813.771 | 112.247 | 100,0% | 99,4% | 15,4% | 100,0% | 99,7% |
| 62 | Bạc Liêu | 572.580 | 90.822 | 99,3% | 97,8% | 35,9% | 97,8% | 94,9% |
| 63 | Hậu Giang | 536.163 | 70.270 | 99,3% | 95,9% | 22,4% | 100,0% | 100,0% |
| Cộng miền Nam | | 28.122.551 | 3.420.904 | 100,0% | 97,1% | 41,9% | 100,0% | 91,2% |

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 18/3/2022 đến 16h00 ngày 19/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.926 lượt người (nhập cảnh: 1.620, xuất cảnh: 2.306).
- + Tuyến VN-TQ: 250 lượt người (nhập cảnh: 80, xuất cảnh: 170).
- + Tuyến VN-Lào: 2.252 lượt người (nhập cảnh 1.041, xuất cảnh: 1.211).
- + Tuyến VN-CPC: 1.424 lượt người (nhập cảnh 499; xuất cảnh: 925).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 707 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 550 người (VN-TQ: 04; VN-Lào: 73, VN-CPC: 473).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 156 người (VN-TQ: 04; VN-Lào: 0, VN-CPC: 152).
 - + Số người trao trả: 01 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 14/3/2022 tới ngày 15/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.072 lượt người (nhập cảnh: 649 lượt người; xuất cảnh: 423 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 18/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 22 tin/bài tiếng Việt; 67 ảnh trong nước và quốc tế; 24 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 1 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnnet.vn/> và <https://covid19.vnnet.vn/>; đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực, đặc biệt là fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ: www.facebook.com/ThongtanxaVietNam/.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 16/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.469.000 cuộc gọi (ngày 16/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 5 nghìn cuộc gọi).

| 06/3 | 07/3 | 08/3 | 09/3 | 10/3 | 11/3 | 12/3 | 13/3 | 14/3 | 15/3 | 16/3 |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 5763 | 5954 | 5474 | 6212 | 5829 | 5393 | 4394 | 4024 | 5251 | 5319 | 5351 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 16/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 16/3/2022 đã tiếp nhận 29 cuộc).

| Tiêu chí | 06/3 | 07/3 | 08/3 | 09/3 | 10/3 | 11/3 | 12/3 | 13/3 | 14/3 | 15/3 | 16/3 |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Cuộc gọi đến | 56 | 43 | 41 | 35 | 46 | 33 | 25 | 31 | 34 | 37 | 29 |

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 39.165.000, chiếm 40,83% dân số, 58,73% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.777.286 điểm đăng ký

+ 80.375 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 267.627.890

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 201.079.635

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 187.711.342

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,35%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.370.509

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: Hướng dẫn của Bộ Y tế đối với người nhập cảnh; điều chỉnh một số biện pháp phòng dịch cho phù hợp với tình hình mới...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

Đến nay đã có 57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 vaccine phòng COVID-19 trên 90%; Còn lại 6/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%. Theo Bộ Y tế, đến nay dịch bệnh vẫn đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số mắc tiếp tục tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố chủ yếu do biến thể BA.2 của biến chủng Omicron làm lây lan nhanh hơn, tuy nhiên ít tăng nặng hơn. Do tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đã có sự chăm sóc đối tượng nguy cơ cao nên tỷ lệ chết/mắc trên phạm vi toàn quốc giảm sâu.

Người khỏi bệnh vẫn có khả năng tái nhiễm, do vậy cần tiếp tục hoàn thành tiêm vaccine mũi 3; triển khai các biện pháp ưu tiên quản lý, bảo vệ nhóm đối tượng nguy cơ cao; tăng cường năng lực cách ly, chăm sóc, điều trị quản lý người mắc COVID-19 tại nhà; nhất là thực hiện nghiêm thông điệp "5K + vắc xin + thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác" là rất quan trọng trong việc kiểm soát ca lây nhiễm, hạn chế bệnh tăng nặng, tử vong.

Dự báo số ca mắc thời gian tới sẽ tiếp tục tăng do mầm bệnh đã lây lan rộng trong cộng đồng; biến chủng BA.2 của biến chủng Omicron vẫn là biến thể chủ đạo; việc triển khai các hoạt động dỡ bỏ hạn chế đối với vận chuyển hành khách, mở cửa du lịch, mở cửa lại trường học và các sự kiện thể thao, văn hóa, xã hội, cùng với đó là tâm lý chủ quan, lơ là của một bộ phận người dân làm tăng nguy cơ gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao (người già, người có bệnh nền).

Triển khai tiêm vaccine phòng COVID-19 thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ 12-17 tuổi trong tháng 3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP. Hồ Chí Minh, phần lớn các trường hợp nặng và tử vong do COVID-19 trên địa bàn thành phố có đặc điểm chung là người trên 65 tuổi và có bệnh nền, có trường hợp vẫn chưa tiêm vắc-xin. Do đó, chiến dịch bảo vệ

người thuộc nhóm nguy cơ đã được triển khai và thực tế đã cho thấy hiệu quả khi số tử vong của thành phố hiện đang ở mức thấp.

Trước tình hình dịch bệnh đang gia tăng do chủng Omicron thì việc bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ vẫn là biện pháp rất quan trọng. Thành phố tiếp tục triển khai chiến dịch bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ mở rộng cho người trên 50 tuổi và người có bệnh nền ở mọi lứa tuổi.

Để bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ, điều đầu tiên là cách ly ngay người mắc COVID-19 với người nguy cơ để giảm thiểu thấp nhất nguy cơ mắc COVID-19. Bên cạnh đó, cần thực hiện việc theo dõi sát tình hình sức khỏe, dấu hiệu bệnh của người thuộc nhóm nguy cơ để phát hiện và điều trị sớm. Nếu F0 trong gia đình là trẻ em, cần phải cách ly trẻ, không để tiếp xúc với người thuộc nhóm nguy cơ cao trong gia đình. Nếu gia đình không đủ điều kiện cách ly riêng, thì người nhà nên cho trẻ nhập viện các bệnh viện nhi để điều trị.

- Tỉnh Phú Thọ: Trước số ca mắc COVID-19 là trẻ em tăng cao, Sở Y tế Phú Thọ yêu cầu tất cả các bệnh viện và Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai hoạt động thu dung điều trị trẻ em mắc COVID-19, đảm bảo mỗi bệnh viện, cơ sở y tế đều có khu chăm sóc, điều trị bệnh nhi mắc COVID-19.

Xây dựng, triển khai tập huấn các chuyên đề về chăm sóc trẻ em mắc COVID-19 tại nhà, chăm sóc, điều trị trẻ mức độ nhẹ, trung bình, mức độ nặng và nguy kịch. Đồng thời, sẵn sàng triển khai công tác tiêm vắc-xin phòng COVID-19 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi; lưu ý trẻ em dưới 12 tuổi chưa được tiêm vaccine phải được xem là nhóm nguy cơ, nhất là trẻ em có bệnh nền như béo phì, các bệnh lý bẩm sinh...

- Tỉnh Cà Mau: Trước tình hình số ca F0 trong học sinh và giáo viên tăng cao, trên cơ sở khảo sát nhu cầu, nguyện vọng của phụ huynh học sinh, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau vừa ban hành Công văn về tổ chức dạy và học cấp mầm non và phổ thông.

Theo đó, từ hôm nay (17/3), cấp học mầm non cho trẻ dừng đến trường cho đến khi có thông báo mới. Các huyện, thành phố, căn cứ tình hình thực tế có thể chọn 1-2 điểm trường trung tâm trên địa bàn đảm bảo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, công tác phòng, chống dịch COVID-19 để nuôi dạy trẻ theo nhu cầu của phụ huynh.

Đối với học sinh lớp 1 đến lớp 7, chuyển sang học trực tuyến theo chương trình chính khoá. Trường hợp những em học sinh có nhu cầu học trực tiếp và được sự thống nhất của phụ huynh thì vẫn đến lớp học trực tiếp bình thường; giáo viên vẫn đến lớp dạy và tạo đường link nếu học sinh học tại nhà.